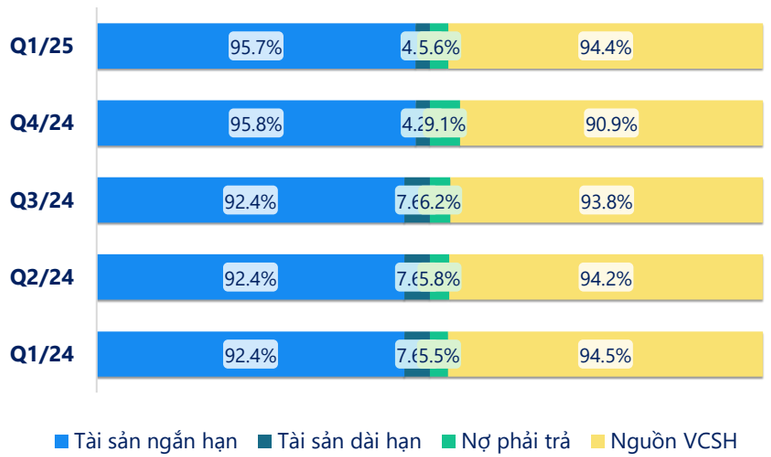
FireAnt

CTCP Xây dựng điện VNECO 1 (HNX: VE1)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	5,931,280
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,095
% sở hữu nước ngoài	25.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
P/E	77.2
EPS	51

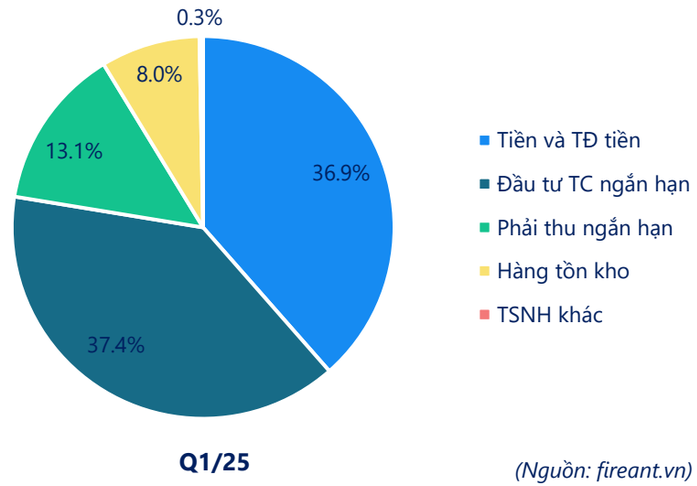
	YTD	1T	3T	6T
VE1	14.7%	14.7%	18.2%	11.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



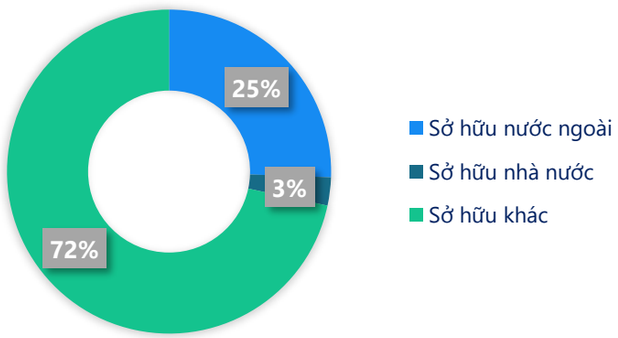
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



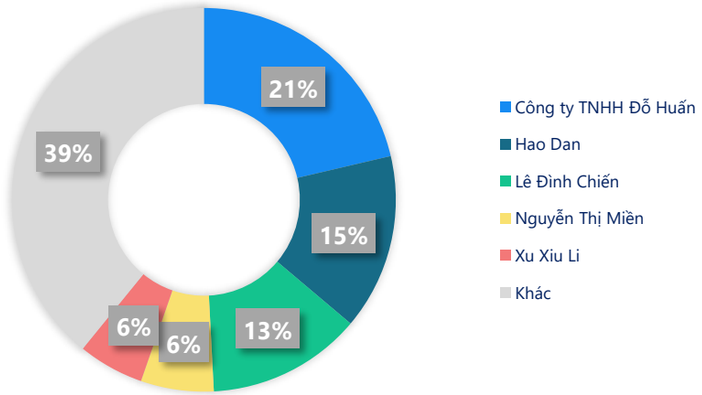
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



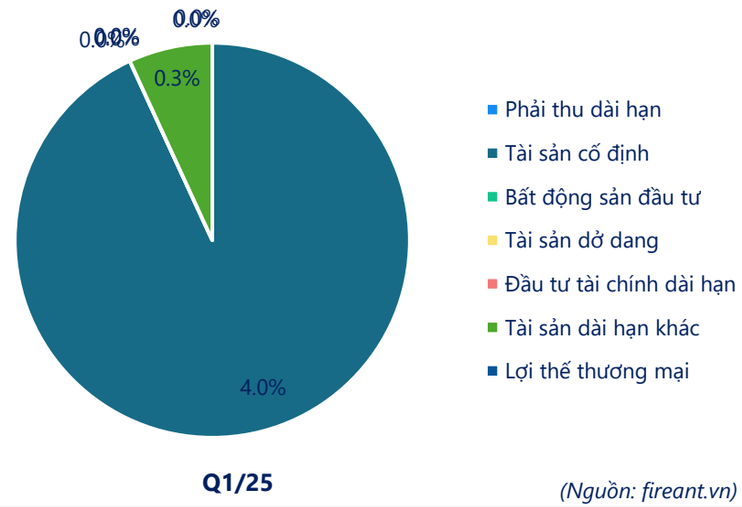
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

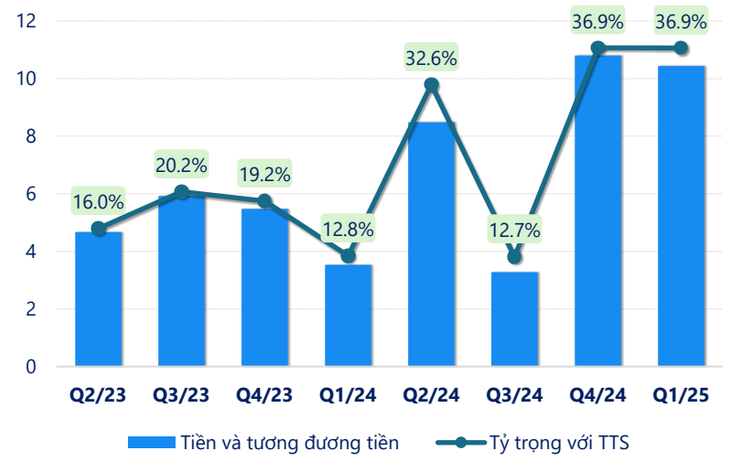


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

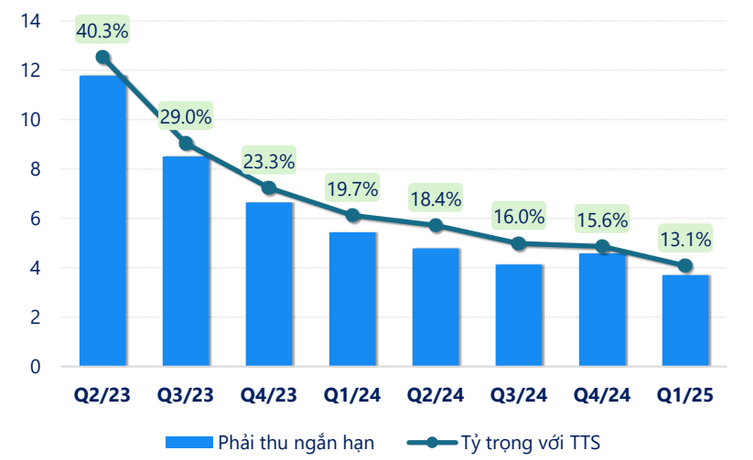
CTCP Xây dựng điện VNECO 1 (HNX: VE1)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



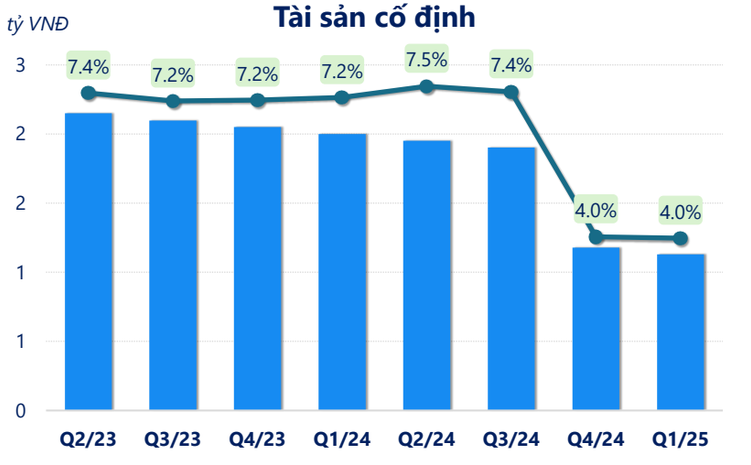
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



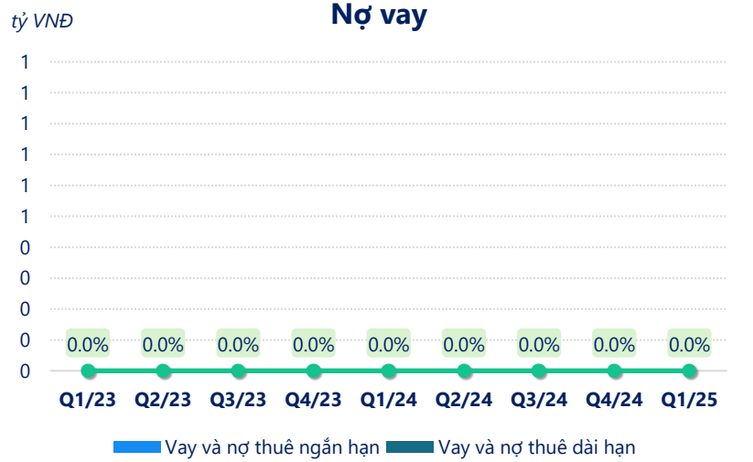
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



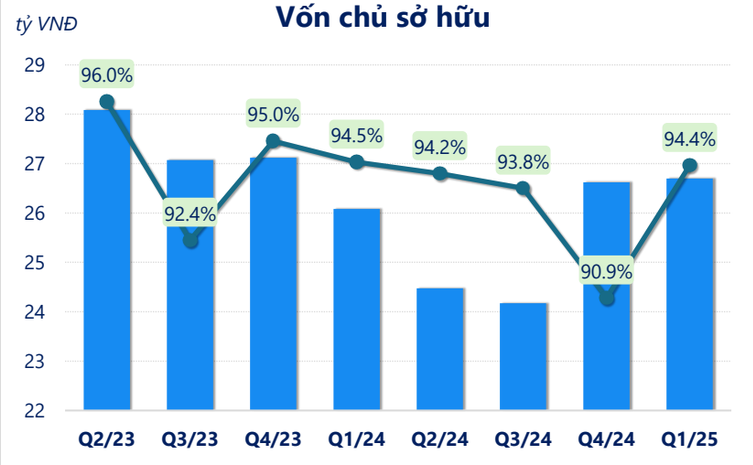
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

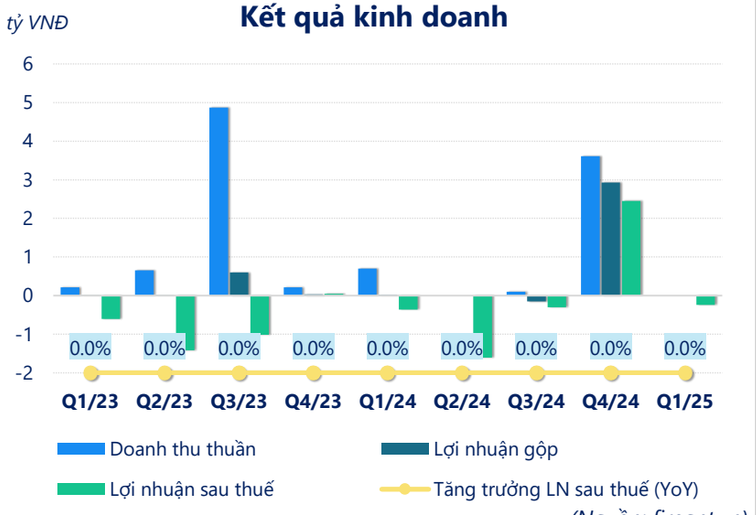


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

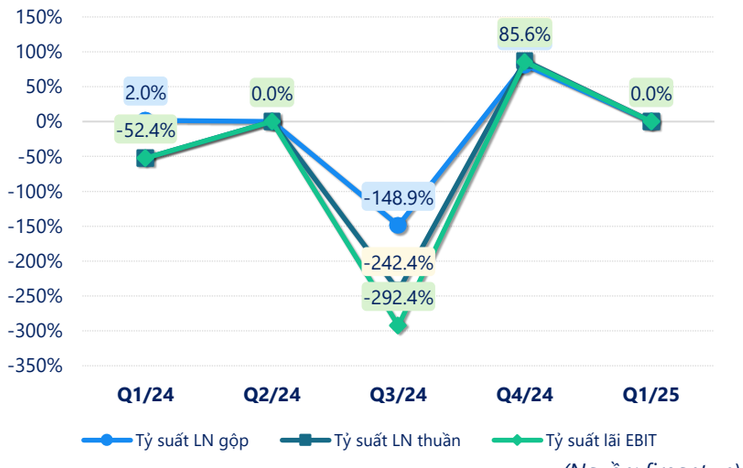
CTCP Xây dựng điện VNECO 1 (HNX: VE1)

Kết quả kinh doanh



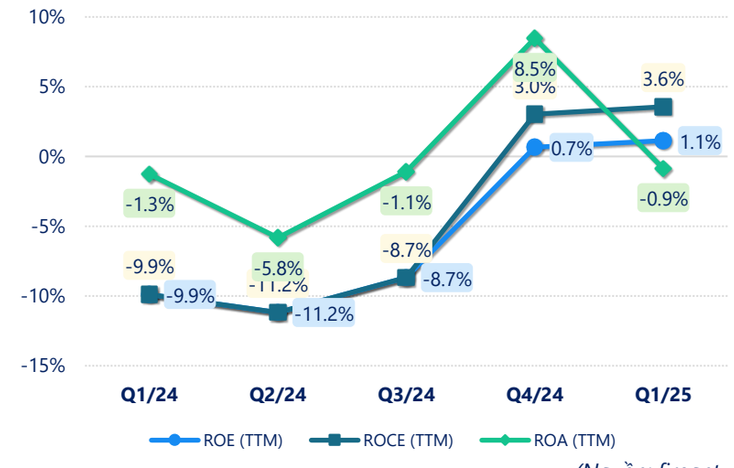
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



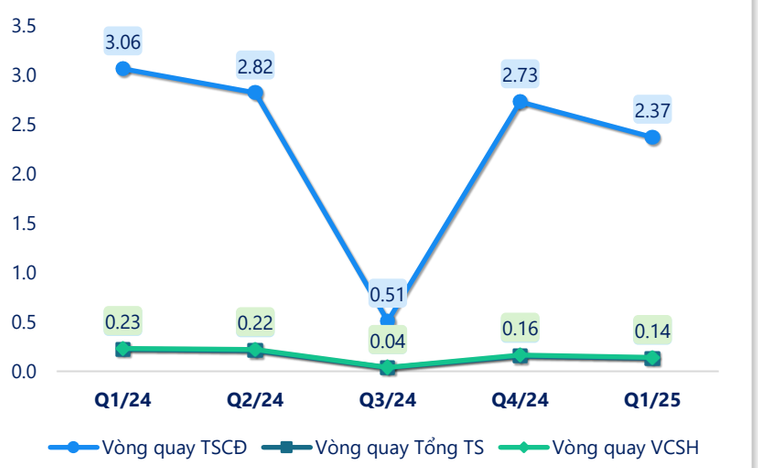
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



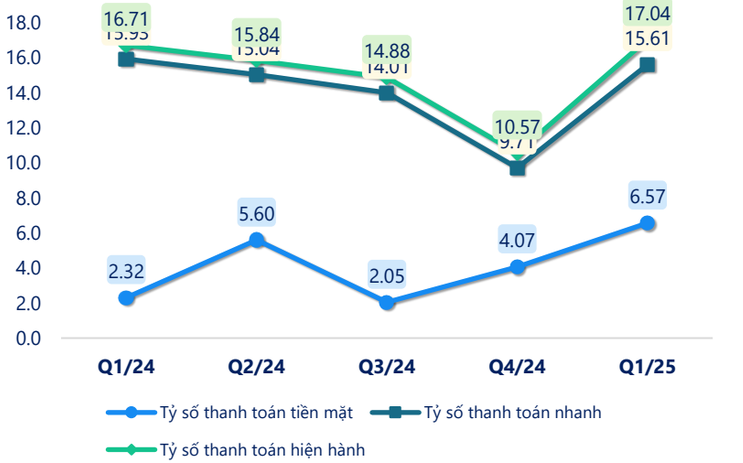
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



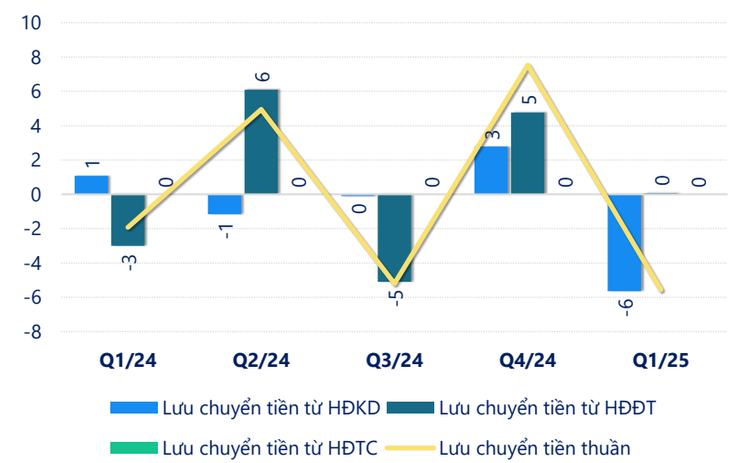
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng điện VNECO 1 (HNX: VE1)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**28.3**	**29.3**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	27.1	28.0	-3.4%
Tiền và tương đương tiền	10.4	10.8	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.6	9.99	5.9%
Phải thu ngắn hạn	3.71	4.95	-25.1%
Hàng tồn kho	2.28	2.27	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.03	230%
Tài sản dài hạn	**1.21**	**1.22**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.13	1.18	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.08**	**0.05**	**83.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.59	2.32	-31.5%
Nợ ngắn hạn	**1.59**	**2.32**	**-31.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.48	0.48	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**26.7**	**26.9**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**26.7**	**26.9**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0.70	0	0.10	3.61	0
Giá vốn hàng bán	0.68	0	0.26	0.68	0
Lợi nhuận gộp	0.01	0	-0.15	2.93	0
Doanh thu HĐTC	0.06	0.02	0.04	0.03	0.03
Chi phí TC	0.18	-0.21	-0.37	-0.13	-0.26
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.26	1.76	0.50	-0.06	0.49
LN thuần từ HĐKD	-0.37	-1.52	-0.25	3.15	-0.20
Lợi nhuận khác	0	-0.09	-0.05	-0.06	-0.04
LN trước thuế	-0.37	-1.61	-0.30	3.09	-0.24
Lợi nhuận sau thuế	-0.37	-1.61	-0.30	2.45	-0.24
LNST của CĐ cty mẹ	-0.37	-1.61	-0.30	2.45	-0.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.07	-1.15	-0.11	2.78	-5.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.00	6.10	-5.10	4.75	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.47	3.54	8.48	3.27	10.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.93**	**4.94**	**-5.20**	**7.53**	**-5.56**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.54	8.48	3.27	10.8	5.24

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic